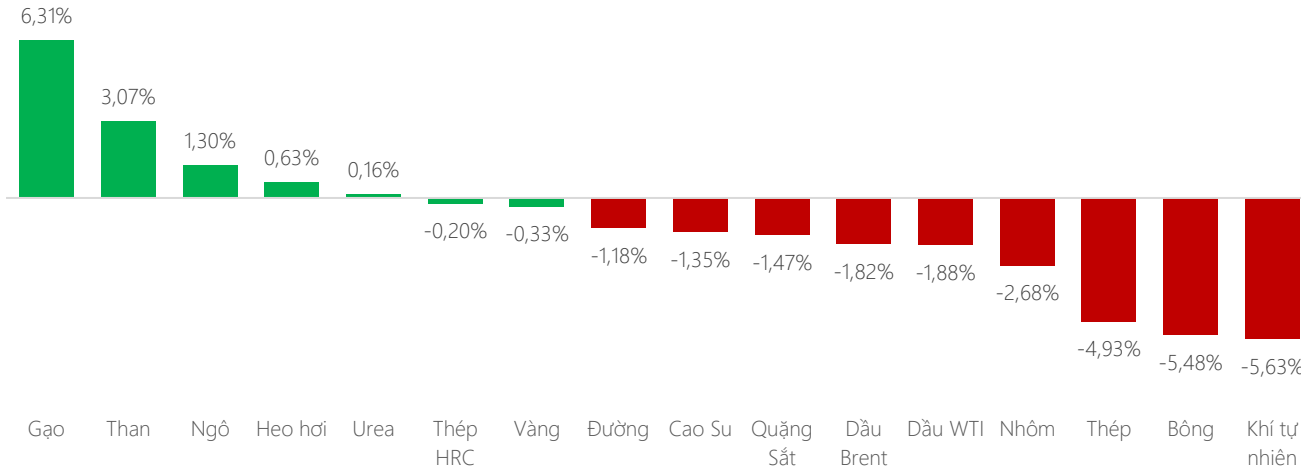


## ĐIỂM NHẤN



**Điểm nhấn vĩ mô:** Loạt công bố về dữ liệu quản trị mua hàng (PMI) toàn cầu ghi nhận tín hiệu sụt giảm. Cụ thể, dữ liệu PMI T6 tại liên minh châu Âu đạt 45.6 điểm, thấp hơn kỳ trước 45.8 điểm; tại Mỹ đạt 49.5 điểm, thấp hơn kỳ trước 51.6 điểm; tương tự sự sụt giảm tại Nhật Bản và Úc, lần lượt đạt 49.2 và 47.4 điểm.

Tuy vậy, dữ liệu cập nhật về tăng trưởng GDP Q2 Mỹ đạt 2.8% QoQ, cao hơn dự báo 2,0% hay đơn trợ cấp thất nghiệp đạt 235k đơn, thấp hơn kỳ trước 245k đơn đang hỗ trợ cho kịch bản kinh tế Mỹ có khả năng hạ cánh mềm.

**Bông (-5,48% WoW)**

Đây là vùng giá thấp nhất kể từ T10/2020, tiệm cận về mức giá thời điểm đại dịch; nguyên nhân chính đến từ sức cầu ngành sợi phục hồi chậm hơn dự kiến, lò hàng xuất khẩu ghi nhận giảm.

**Thép (-4,93% WoW)**

Giá thép suy giảm về mức thấp nhất trong hơn 7 năm khi nhu cầu tiêu thụ chưa có nhiều sự cải thiện trong khi nguồn cung vẫn vô cùng dồi dào tại thị trường tiêu hàng đầu là Trung Quốc.

**Khí tự nhiên (-5,63 WoW)**

Giá khí tự nhiên giảm mạnh trong tuần qua trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ kém khả quan trong khi trữ lượng tồn kho khí tại Mỹ và Châu Âu đều đang cao hơn đáng kể so với mức trung bình trong 5 năm.

## NGÀNH CHÚ Ý &amp; ĐÁNH GIÁ CỦA WETRADE

| Hàng hóa     | Trend hàng hóa | Ngành đáng chú ý             | Tác động | Cổ phiếu đáng chú ý |
|--------------|----------------|------------------------------|----------|---------------------|
| Bông         | Suy yếu        | Hàng cá nhân & Gia dụng      | Tích cực | STK, HTG, MSH       |
| Thép         | Suy yếu        | Tài nguyên cơ bản            | Tích cực | HSG, HPG, NKG       |
|              |                | Xây dựng và Vật liệu         | Tiêu cực | LCG, VCG, CTD       |
| Khí tự nhiên | Hồi phục       | Điện nước & xăng dầu khí đốt | Tích cực | GAS                 |

Giá Bông thế giới ghi nhận đà điều chỉnh trong 5 tháng liên tiếp, đạt mức giá 66.6 USD/Lbs (-5,48% WoW). Đây là vùng giá thấp nhất kể từ T10/2020, tiệm cận về mức giá thời điểm đại dịch; nguyên nhân chính đến từ sức cầu ngành sợi phục hồi chậm hơn dự kiến, lô hàng xuất khẩu ghi nhận giảm.

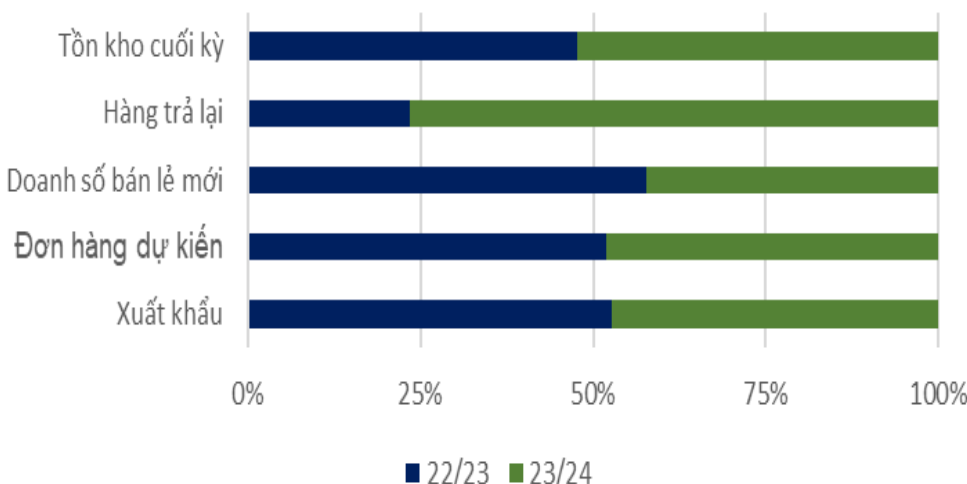
Báo cáo của Bộ nông nghiệp Mỹ (USDA) công bố dữ liệu bông thương mại, và xuất khẩu đều sụt giảm; ngược lại, dữ liệu trả hàng và hủy đơn gia tăng đáng kể.

Cụ thể, đơn hàng xuất khẩu trong tuần 18/07 ghi nhận 131.300 RB, thấp hơn svck đạt mức 197,800 RB; lũy kế năm thương mại 2023-24 đạt 10.202.400 RB (-10,4% YoY). Bên cạnh đó, đơn hàng trả lại và hủy đơn đạt 78.000 RB, tăng hơn 55.000 RB cùng kỳ năm ngoái. Dữ liệu trên cho thấy hoạt động thu mua bông nói riêng, ngành dệt may nói chung hồi phục ở mức chậm chạp.

Từ phía nguồn cung, báo cáo tiến độ cây trồng (ngày 22/07) cho thấy 81% diện tích cây trồng trong trạng thái tốt sẵn sàng khai thác, cao hơn 17% cập nhật tuần trước, cao hơn 7% so với trung bình cả năm. Các vụ mùa bông ở các tiểu bang tại Mỹ đều báo cáo đậu quả, chiếm 42% trên tổng diện tích Bông đang phát triển, tăng 15% so với cập nhật tuần trước.

**DSC nhận định giá bông thế giới tiếp tục xu thế ảm đạm trong trung hạn,** chờ đợi tín hiệu sức cầu tích cực hơn vào kỳ cao điểm cuối năm, cũng là thời điểm FED sẽ tiến hành cắt giảm lãi suất. Sức cầu tăng trưởng chậm hơn khả năng sản xuất khiến cho tồn kho cuối kỳ tăng, áp lực lên diễn biến giá trong ngắn hạn.

Biểu đồ 1: Dữ liệu thương mại Bông tại thị trường Mỹ (nguồn: USDA Report)



## Thép

-4,93 WoW

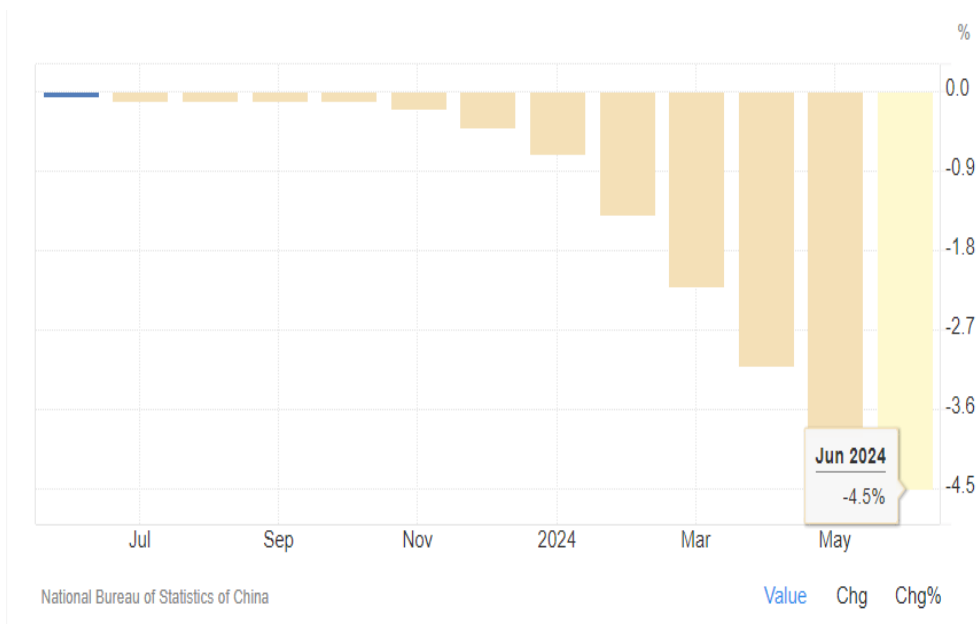
Giá thép trong tuần vừa qua giảm xuống dưới 3.100 CNT/T, mức thấp nhất trong vòng hơn 7 năm trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ yếu trong khi nguồn cung đang rất dồi dào tại quốc gia tiêu thụ hàng đầu là Trung Quốc.

Một trong những yếu tố tác động tiêu cực lên giá thép là việc chính phủ Trung Quốc đã ban hành các tiêu chuẩn chất lượng mới cho thép thanh vào cuối tháng 9, khiến các nhà máy thực hiện xả kho dự trữ cũ trước khi các tiêu chuẩn mới cho sản phẩm kim loại này được ban hành từ đó khiến cho sản phẩm thép từ nước này đang tràn lan trên thị trường. Xuất khẩu thép của Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm đã đạt mức 53 triệu tấn, tăng đến 24% so với cùng kỳ năm ngoái.

Về phía nguồn cầu, nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm hơn dự kiến trong quý 2 và giá nhà giảm mạnh nhất trong chín năm vào tháng 6, nhấn mạnh mức độ nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng trong lĩnh vực bất động sản của Trung Quốc. Dữ liệu này đã làm giảm triển vọng cho hoạt động xây dựng trong tương lai từ đó làm suy yếu nhu cầu sử dụng thép.

**DSC nhận định với việc tình trạng nguồn cung từ Trung Quốc đang vô cùng dồi dào, thúc đẩy quốc gia này tăng cường xuất khẩu ra thị trường nước ngoài sẽ khiến cho giá thép sẽ khó có sự đột biến trong tương lai gần.**

Biểu đồ 2: Giá nhà mới xây tại Trung Quốc thay đổi theo năm (Nguồn: Trading Economics)



## Khí tự nhiên

-9,01% WoW

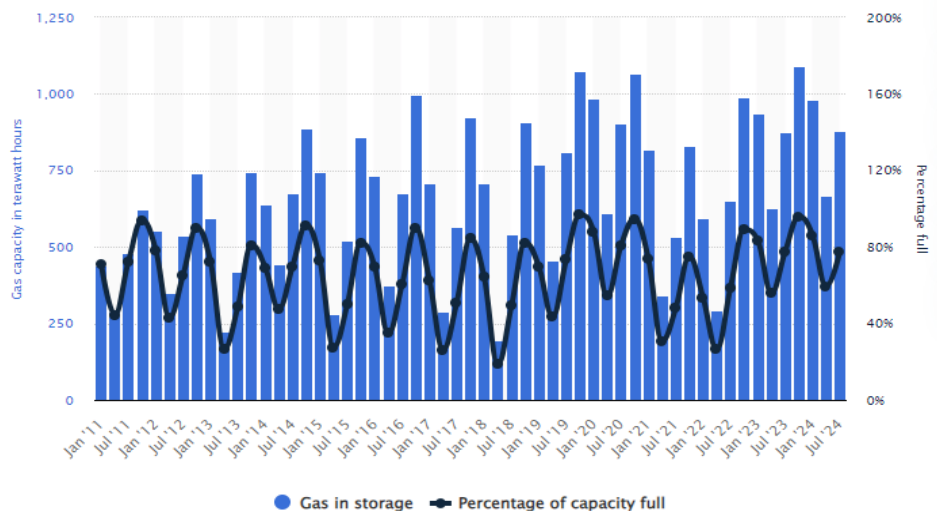
Giá khí tự nhiên giảm mạnh trong tuần qua, về mức 2,12 USD/MMBtu, đánh dấu tuần giảm thứ 5 trong 6 tuần gần nhất trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ suy giảm do tình hình thời tiết thuận lợi hơn trong khi các kho dự trữ khí tại Mỹ và Châu Âu đều cao hơn mức trung bình 5 năm.

Tại Mỹ, theo báo cáo gần nhất của EIA, lượng dự trữ tồn kho khí tại nước này đã tăng thêm 10 tỷ feet khối trong tuần qua, mặc dù thấp hơn mức tăng dự kiến là 28 tỷ feet khối tuy nhiên vẫn giúp mức tồn kho tại quốc gia này cao hơn gần 17% so với mức trung bình 5 năm. Trong khi đó tại khu vực châu Âu, lượng tồn kho khí tự nhiên cũng đã được lấp đầy 81%, cao hơn 16% so với mức trung bình 5 năm từ đó củng cố niềm tin rằng EU sẽ hoàn thành mục tiêu lấp đầy 90% trữ lượng tồn kho khí trước mùa đông năm nay.

Trong khi đó về phía nguồn cầu, với việc pha La Nina yếu hơn dự kiến sẽ làm suy giảm nhu cầu tiêu thụ khí cho mục đích sưởi ấm vào mùa đông năm nay. Lượng khí nhập khẩu vào châu Âu được dự báo sẽ giảm gần 10% trong năm nay cộng với việc thời tiết ấm hơn tại khu vực Đông Bắc Á và Mỹ dự kiến sẽ làm giảm áp lực đối với hoạt động sản xuất khí tự nhiên. Trong khi đó tại Trung Quốc, với việc hoạt động thủy điện tăng mạnh trong thời gian qua cũng khiến cho quốc gia này giảm mạnh nhu cầu với khí tự nhiên.

**DSC cho rằng với việc nguồn cung đang trở nên dồi dào trong khi nhu cầu đang không quá tích cực, giá khí đốt trong thời gian tới sẽ khó có thể bật tăng mạnh mẽ. Mặc dù vậy với việc thế giới đang chuyển sang pha La Nina đồng nghĩa với việc số lượng các cơn bão trong năm nay sẽ nhiều hơn đáng kể, gây ảnh hưởng đến hoạt động của nhà máy khí từ đó giúp kiềm hãm đà rơi của giá khí trong tương lai gần.**

Biểu đồ 3: Dự trữ tồn kho khí tự nhiên tại khu vực EU (Nguồn: Statista)



## CHỈ SỐ VĨ MÔ &amp; THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

|                     | Giá trị | % Ngày | % Tuần | Xu hướng trung hạn | %3M     | %6M     |
|---------------------|---------|--------|--------|--------------------|---------|---------|
| <b>Chỉ số vĩ mô</b> |         |        |        |                    |         |         |
| Dollar Index        | 104,32  | 0,00%  | -0,08% | Suy yếu            | -1,70%  | 0,90%   |
| US 10Y              | 4,19    | -1,20% | -1,18% | Suy yếu            | -10,10% | 1,30%   |
| BCOM index          | 95,96   | -0,80% | -1,57% | Tăng mạnh          | -6,80%  | -2,90%  |
| Baltic Dirty Index  | 1,02    | -1,30% | -3,13% | Suy yếu            | -8,00%  | -24,10% |
| Baltic Dry Index    | 1,81    | -1,40% | -4,94% | Hồi phục           | 5,10%   | 19,10%  |
| S&P 500             | 5,46    | 1,10%  | -0,84% | Hồi phục           | 7,00%   | 11,60%  |
| VNIndex             | 1       | 0,70%  | -1,82% | Hồi phục           | 2,70%   | 5,70%   |

## THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

|                    | Giá trị | % Ngày | % Tuần | Xu hướng trung hạn | %3M     | %6M     |
|--------------------|---------|--------|--------|--------------------|---------|---------|
| <b>Năng lượng</b>  |         |        |        |                    |         |         |
| Than               | 139,25  | 0,60%  | 3,07%  | Hồi phục           | 3,50%   | 9,60%   |
| Dầu Brent          | 81,13   | -1,50% | -1,82% | Suy yếu            | -8,00%  | -2,20%  |
| Dầu WTI            | 77,16   | -1,40% | -1,88% | Suy yếu            | -7,80%  | -1,10%  |
| Khí tự nhiên       | 2,01    | -1,70% | -5,63% | Hồi phục           | 4,30%   | -7,80%  |
| <b>Kim loại</b>    |         |        |        |                    |         |         |
| Thép HRC           | 503,50  | 0,00%  | -0,20% | Suy yếu            | -5,60%  | -11,60% |
| Vàng               | 2,39    | 1,00%  | -0,33% | Hồi phục           | 2,10%   | 18,20%  |
| Quặng Sắt          | 106,86  | -0,30% | -1,47% | Hồi phục           | -3,00%  | -22,30% |
| Thép               | 3,08    | -1,70% | -4,93% | Hồi phục           | -13,70% | -22,00% |
| <b>Nông nghiệp</b> |         |        |        |                    |         |         |
| Gạo                | 15,16   | 1,30%  | 6,31%  | Hồi phục           | -19,50% | -15,70% |
| Ngô                | 410,00  | -2,60% | 1,30%  | Hồi phục           | -8,90%  | -8,10%  |
| Heo hơi            | 64,30   | -0,20% | 0,63%  | Hồi phục           | 4,40%   | 16,90%  |
| Đường              | 18,46   | -1,00% | -1,18% | Giảm mạnh          | -4,90%  | -22,30% |
| Cao Su             | 160,50  | 0,00%  | -1,35% | Hồi phục           | 0,40%   | 4,90%   |
| Bông               | 66,03   | -1,40% | -5,48% | Suy yếu            | -18,40% | -21,70% |
| <b>Công nghiệp</b> |         |        |        |                    |         |         |
| Urea               | 315,00  | 0,00%  | 0,16%  | Suy yếu            | 7,30%   | -19,70% |
| Nhôm               | 2,29    | 0,80%  | -2,68% | Hồi phục           | -10,90% | 0,60%   |

\* Giá hàng hóa Việt Nam

## ẢNH HƯỞNG CỦA HÀNG HÓA TỚI CÁC NGÀNH

## Tác động tích cực

## Tác động tiêu cực

|  | Tác động tích cực  | Tác động tiêu cực  |
|--|--|--|
| <b>Dầu thô WTI</b><br><b>Dầu thô Brent</b> | Dầu khí (***)<br>Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí)(***)<br>Thực phẩm và đồ uống (Đường mía)(*) | Hàng & Dịch vụ công nghiệp (*); Du lịch và giải trí (Hàng không), Hóa chất (Nhựa đường)(**); Ô tô và phụ tùng (*); Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (*) |
| <b>Khí tự nhiên</b>                        | Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí) (***)  | Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện khí) (***)<br>Hóa chất (Phân bón) (**)  |
| <b>Than</b>                                | Tài nguyên cơ bản (Khai thác than) (***)   | Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện than) (***)<br>Hóa chất (Phân bón) (**); Tài nguyên cơ bản (Thép) (**)  |
| <b>Vàng</b>                                | Hàng cá nhân & Gia dụng (**)   | -  |
| <b>Thép</b><br><b>Thép HRC</b>             | Tài nguyên cơ bản (Thép) (***)   | Xây dựng và vật liệu (**)  |
| <b>Quặng sắt</b>                           | -  | Tài nguyên cơ bản (Thép) (***)   |
| <b>Cao su</b>                              | Hóa chất (***)   | Ô tô và phụ tùng (***)   |
| <b>Gạo</b>                                 | Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (**)   | Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (**)  |
| <b>Đường</b>                               | Thực phẩm và đồ uống (Đường mía) (***)   | -  |
| <b>Bông</b>                                | Hàng cá nhân & Gia dụng (ngành sợi) (***)  | Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (**)   |
| <b>Lúa mì</b>                              | -  | Thực phẩm và đồ uống (Chăn nuôi và Bia) (***)  |
| <b>Heo hơi</b>                             | Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (***)   | -  |
| <b>Cá tra</b>                              | Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***)  | -  |
| <b>Tôm</b>                                 | Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***)  | -  |
| <b>Urea</b>                                | Hóa chất (phân bón) (***)  | Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (*)  |
| <b>Nhôm</b>                                | Hóa chất (phân bón) (**)   | Xây dựng và vật liệu (*)   |
| <b>Phốt pho vàng</b>                       | Hóa chất (**)  | Hóa chất (phân bón) (**)   |

\*Các ngành được xác định dựa theo Wetrade

Chú thích: (\*) Ảnh hưởng nhẹ (\*\*\*) Ảnh hưởng trung bình (\*\*\*) Ảnh hưởng mạnh

## LỜI KẾT

### Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

### Báo cáo miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán DSC và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

**Nguyễn Quốc Văn,**  
Chuyên viên Phân tích  
van.nq@dsc.com.vn

**Lê Công Nguyên,**  
Chuyên viên Phân tích  
nguyen.lc@dsc.com.vn

**Phan Duy Thành.**  
Chuyên viên Phân tích  
thanh.pd@dsc.com.vn

Room tư vấn DSC

